

**ĐIỂM BÀI THU HOẠCH**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 11 (Bảo Lạc)

Phần A.I,II. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Thị Anh	7,50	Bảy phẩy năm	39	Hoàng Long Huyền	7,25	Bảy phẩy hai năm
2	Lê Minh Châu	7,50	Bảy phẩy năm	40	Trịnh Thị Huyền	7,50	Bảy phẩy năm
3	Vi Xuân Chiêu	8,00	Tám	41	Mã Thị Kiều	7,50	Bảy phẩy năm
4	Hoa Văn Chương	6,00	Sáu	42	Bé Thị Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Bé Văn Cừ	5,75	Năm phẩy bảy năm	43	Hà Thị Lệ	7,25	Bảy phẩy hai năm
6	Nguyễn Thị Diên	6,75	Sáu phẩy bảy năm	44	Hoàng Văn Lân	8,00	Tám
7	Nông Văn Diệp	6,25	Sáu phẩy hai năm	45	Nông Thúy Liễu	7,50	Bảy phẩy năm
8	Lục Đức Doanh	7,50	Bảy phẩy năm	46	Triệu Dùn Lụa	7,00	Bảy
9	Nông Bằng Du	6,50	Sáu phẩy năm	47	Lục Thị Lương	5,00	Năm
10	Hoàng Lương Dũng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	48	Tô Thị Luyến	6,75	Sáu phẩy bảy năm
11	Lê Thùy Dương	7,00	Bảy	49	Điều Thị Mai	7,50	Bảy phẩy năm
12	Nông Thị Duyên	6,00	Sáu	50	Tô Thị Mai	7,25	Bảy phẩy hai năm
13	Tô Thị Đào	8,25	Tám phẩy hai năm	51	Nguyễn Thị Mạnh	8,00	Tám
14	Nguyễn Duy Đạo	7,25	Bảy phẩy hai năm	52	Hoàng Thị Minh	8,00	Tám
15	Hoàng Quốc Đạt	6,00	Sáu	53	Đoàn Thị Mùi	7,50	Bảy phẩy năm
16	Nguyễn Thúy Diệp	8,00	Tám	54	Hoàng Thị Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Lương Văn Đồng	7,00	Bảy	55	Ma Văn Ngoạt	7,00	Bảy
18	Hoàng Quyết Được	6,50	Sáu phẩy năm	56	Tô Thị Nguyệt	8,00	Tám
19	Mê Thị Hạnh		<b>Thôi học</b>	57	Lãnh Thị Nhám	8,00	Tám
20	Đinh Thị Hậu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	58	Nông Hồng Như	7,75	Bảy phẩy bảy năm
21	Nông Thị Hiền	7,00	Bảy	59	Tô Hồng Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
22	Linh Thị Hiền	8,00	Tám	60	Lý Hồng Quang	7,50	Bảy phẩy năm

lh

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Điều Thị Hiền	7,00	Bảy	61	Lãnh Văn Quanh	7,00	Bảy
24	Lục Văn Hiệp	7,00	Bảy	62	Nông Phúc Sơn	7,25	Bảy phẩy hai năm
25	Nguyễn Thị Hiếu	8,00	Tám	63	Trương Thị Thân	6,50	Sáu phẩy năm
26	Lục Văn Hoan	7,25	Bảy phẩy hai năm	64	Hoàng Văn Thêm	6,00	Sáu
27	Tô Văn Hoàng	8,00	Tám	65	Vàng Thị Thia	7,50	Bảy phẩy năm
28	Ma Văn Hội	5,00	Năm phẩy năm	66	Lưu Hồng Thúy	8,00	Tám
29	Trịnh Thu Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	67	Lê Thị Thùy	7,50	Bảy phẩy năm
30	Nông Thị Minh Huệ	8,00	Tám	68	Nguyễn Thị Hồng Thuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
31	Hoàng Thị Kim Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	69	Triệu Quốc Trịnh	7,00	Bảy
32	Nguyễn Thị Minh Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	70	Hoàng Gia Tự	7,25	Bảy phẩy hai năm
33	Nông Thanh Hương	6,50	Sáu phẩy năm	71	Lục Thanh Tuyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm
34	Cao Thị Thanh Hương	6,00	Sáu	72	Phạm Hà Vân	7,00	Bảy
35	Nguyễn Thu Hương	6,50	Sáu phẩy năm	73	Mông Thị Hồng Vân	7,25	Bảy phẩy hai năm
36	Nguyễn Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	74	Công Thị Vê	7,00	Bảy
37	Phạm Thị Thu Hường	6,00	Sáu	75	Lý Thị Xoan	7,25	Bảy phẩy hai năm
38	Dương Thị Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	76	Điều Văn Xuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm

Điểm 5,00: 02 điểm; Điểm 5,75: 01 điểm; Điểm 6,00: 06 điểm; Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 07 điểm; Điểm 6,75: 03 điểm; Điểm 7,00: 11 điểm; Điểm 7,25: 10 điểm; Điểm 7,50: 15 điểm; Điểm 7,75: 08 điểm; Điểm 8,00: 12 điểm; Điểm 8,25: 01 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

*[Signature]*

*[Signature]*



Bê Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Hoàng Việt Hưng